

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Ngày 19/6/2017, Chủ tịch Quốc hội ký ban hành Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, có hiệu lực từ 01/7/2018.

Thực hiện Quyết định số 1357/QĐ-TTg ngày 13/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Qua 06 năm triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP đã thiết lập khung pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quản lý khai thác công trình thủy lợi; thay đổi hình thức hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi từ cơ chế phí sang giá phù hợp với tình hình ngày càng phát triển của xã hội, chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã cơ bản góp phần giảm bớt khó khăn cho các hộ gia đình, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần phải nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị sửa đổi 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ của các đơn vị địa phương, Bộ Tài chính báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ như sau:

A. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2018/NĐ-CP

I. Nhiệm vụ đã triển khai thực hiện

1. Quy định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

- Căn cứ vào thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và quy định tại Điều 4 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

giai đoạn năm 2018-2020 để các địa phương căn cứ ban hành quyết định về giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý. Theo đó, giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 giữ ổn định bằng mức giá tối đa đã thực hiện năm 2017

- Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Năm 2021, căn cứ Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021, căn cứ quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Nghị Quyết số 80/NQ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 bằng mức giá tối đa đã thực hiện giai đoạn 2017-2020.

b) Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính đã ban hành:

- Thông tư số 09/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác cho 05 đơn vị khai thác công trình thủy lợi ở Trung ương và 01 địa phương.

- Quyết định số 1896/QĐ-BTC ngày 01/12/2020 về khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa thực hiện;

- Thông báo số 122/TB-BTC ngày 01/02/2021 của Bộ Tài chính về việc thông báo khung giá sản phẩm dịch vụ khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông;

2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn:

Thực hiện Luật Thủy lợi và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy lợi) tổ chức 03 hội nghị tập huấn, 04 buổi hướng dẫn phương pháp tính giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp cho 5 đơn vị khai thác thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các công ty Hà Nội, Hưng Yên, Bình Định, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Gia Lai, Thái Bình, Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Phòng... xây dựng phương án giá khác.

Đồng thời, trong các năm qua, Bộ Tài chính đã có nhiều văn bản hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương triển khai thực hiện quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

3. Ban hành văn bản đôn đốc triển khai thực hiện:

Song song với việc triển khai, hướng dẫn Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Cục Quản lý giá báo cáo Bộ ban hành các văn bản (Văn bản Số 11543/BTC-QLG ngày 30/8/2017; Số 9714/BTC-QLG ngày 14/8/2018, Số 13349/BTC-QLG ngày 30/10/2018, Số 14642/BTC-QLG ngày 23/11/2018, Văn bản số 13231/BTC-QLG ngày 01/11/2019, Văn bản số 8571/BTC-QLG ngày 21/01/2020, Văn bản số 2770/BTC-QLG ngày 12/3/2020,...) gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và gửi phương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi theo quy định và các văn bản trả lời vướng mắc của một số đơn vị, địa phương.

4. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

Bộ Tài chính đã có văn bản số 11862/BTC-QLG báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và ban hành khung giá, giá tối đa sản phẩm dịch vụ thủy lợi; trong đó có kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai việc thực hiện các quy định về việc lập và gửi phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Để có cơ sở Bộ Tài chính kịp thời ban hành khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định ngày 08/6/2020, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6812//BTC-QLG báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các quy định về việc lập và gửi phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với các nội dung như Bộ Tài chính đã kiến nghị tại văn bản số 11862/BTC-QLG ngày 02/10/2019.

Ngày 19/6/2023, Luật Giá số 16/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trong đó quy định về thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã thay đổi so với quy định trước đây. Vì vậy, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Tờ trình số 234/TTr-BTC ngày 03/11/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, xin ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương, các đơn vị liên quan, tổng hợp, giải trình tiếp thu các ý kiến, xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 9191/VPCP-KTTH đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xây dựng, trình Chính phủ Nghị định quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp, đồng bộ với quy định của pháp luật về giá và pháp luật về thủy lợi, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật có liên quan khi Luật Giá số 16/2023/QH15 có hiệu lực.

5. Tổ chức kiểm tra, khảo sát

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra và khảo sát tình hình thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại một số đơn vị 3 miền Bắc- Trung- Nam (Ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố và tổ chức khai thác công trình thủy lợi tại Quảng Nam, Hải Dương, Bình Định, TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Long An).

Cơ quan liên quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính đã tổ chức đoàn khảo sát làm việc với một số địa phương (Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Kon Tum, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu...) về kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP.

2. Kết quả đạt được và thuận lợi trong quá trình thực hiện

Việc triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP trong 06 năm qua đã đạt được những kết quả, thuận lợi như sau:

- Thiết lập khung pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quản lý khai thác công trình thủy lợi; thay đổi hình thức hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi từ cơ chế phí sang giá phù hợp với tình hình ngày càng phát triển của xã hội;

- Minh bạch được các khoản chi phí tính trong cơ cấu giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

- Đối tượng và phạm vi được hỗ trợ tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được nhà nước ưu tiên chủ yếu là hỗ trợ cho các hộ gia đình, hộ nghèo đối với diện tích trong hạn mức theo quy định của Luật Đất đai và một số tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị và tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt tại địa bàn. Các tổ chức còn lại do đã được hưởng từ các chính sách hỗ trợ khác như chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp, VAT, thu nhập doanh nghiệp, chính sách đầu tư nên nhà nước không hỗ trợ tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

- Chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi đã cơ bản góp phần giảm bớt khó khăn cho các hộ gia đình, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị ở địa phương.

- Tạo công ăn việc làm cho đông đảo người dân ở khu vực nông thôn, hỗ trợ cho các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp ở địa phương, đã giúp các hộ nông dân giảm bớt chi phí đầu tư, tạo nguồn kinh phí ổn định cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi chủ động trong hoạt động sản xuất, dân sinh, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi, giúp địa phương mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng tưới.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm được ngân sách nhà nước cấp phát theo đúng quy định và kịp thời, chủ động trong công tác quản lý và khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, việc bảo trì, tu bổ sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi cũng

đã được quan tâm thực hiện góp phần tăng năng suất của cây trồng, phục vụ tốt cho đời sống dân sinh;

- Về bản chất, hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP là kế thừa chính sách miễn thu thủy lợi phí đã được thực hiện từ năm 2008 đến năm 2017. Nhà nước miễn khoản nộp cho người nông dân và chi ngân sách nộp thay cho người dân bằng phương thức cấp tiền cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (Công ty, đơn vị sự nghiệp, Hợp tác xã) nhằm bù đắp các khoản chi phí cho các đơn vị này.

- Về chi phí của các đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi từ năm 2008 đến nay đã được quy định theo Thông tư số 11/2009/TT-BTC, Thông tư số 178/2014/TT-BTC, Thông tư số 73/2018/TT-BTC trong đó các khoản mục chi (Chi khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo trì...) không thay đổi và không tăng chi ngân sách nhà nước.

- Về mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho các đối tượng mới chỉ điều chỉnh 1 lần từ năm 2013 (quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP) và giữ nguyên đến nay. (Thông tư số 280/2016/TT-BTC và Quyết định số 1050a/QĐ-BTC quy định mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bằng mức phí thủy lợi trước đây).

2.1. Tại Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Thực hiện quy định tại Luật Thủy lợi, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP:

- Bộ Tài chính đã ban hành:

+ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

+ Thông tư số 08/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa;

+ Thông tư số 09/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý của 05 đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh Hưng Yên;

+ Quyết định số 1896/QĐ-BTC ngày 01/12/2020 về khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa thực hiện;

+ Thông báo số 122/TB-BTC ngày 01/2/2021 về khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

+ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

- Trên cơ sở giá tối đa và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do Bộ Tài chính ban hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quyết định giá cụ thể

cho các loại hình sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của 05 đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- Đối với các địa phương đã có hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính đã có các văn bản đề nghị hoàn thiện hồ sơ phương án giá để đủ cơ sở thẩm định và ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2.2. Tại các địa phương

a. Về việc ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

Triển khai thực hiện Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 và Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2021, hầu hết các tỉnh đã ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để làm cơ sở áp dụng thực hiện tại địa phương;

b. Về việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- Thiết lập khung pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quản lý khai thác công trình thủy lợi; thay đổi hình thức hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi từ cơ chế phí sang giá phù hợp với tình hình phát triển mới;

- Đơn vị quản lý khai thác được chủ động xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại đơn vị;

- Việc xây dựng phương án giá thủy lợi khác nhằm khai thác tối đa sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để tăng nguồn thu, giảm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là phù hợp;

c. Hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

- Đối tượng và phạm vi được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được mở rộng thêm các đối tượng đó là tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị và tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt tại địa bàn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm được ngân sách nhà nước cấp phát theo đúng quy định và kịp thời, chủ động trong công tác quản lý và khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó việc bảo trì, tu bổ sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi cũng đã được quan tâm thực hiện góp phần tăng năng suất của cây trồng, phục vụ tốt cho đời sống dân sinh;

- Chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã cơ bản đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo nông dân địa phương, đã giúp các hộ nông dân giảm bớt chi phí đầu tư, tạo nguồn kinh phí ổn định cho các địa phương, các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi chủ động trong hoạt động sản xuất,

dân sinh, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi, giúp địa phương mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng tưới

3. Những mặt hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện và nguyên nhân

a. Về công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Nhiều địa phương chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi nên trong quá trình xây dựng giá còn gặp nhiều khó khăn.

- Hiện nay nhiều địa phương đặc biệt là các địa phương thuộc khu vực ĐBSCL do mô hình quản lý khai thác công trình thủy lợi chưa phù hợp với Điều 23 Luật Thủy lợi nên còn khá lung túng trong việc lựa chọn mô hình quản lý khai thác phù hợp do lực lượng còn mỏng, năng lực chuyên môn ở một số địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng được điều kiện về năng lực theo quy định¹.

- Việc phối hợp giữa Công ty với một số địa bàn trong tỉnh trong công tác xác định công đầu kênh (điểm giao nhận) chưa thực hiện được do địa phương chưa thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý hệ thống kênh mương nội đồng do quy định tiền hỗ trợ giá sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi chỉ được hỗ trợ cho đơn vị quản lý công trình đầu mối đến điểm giao nhận dịch vụ thủy lợi.

Ngoài ra, đối với hệ thống công trình thủy lợi khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, do địa hình sông rạch mở, kênh rạch đan chéo nhau tạo thành mạng lưới lấy nước và bổ sung nước cho nhau, các khu vực tưới được tạo thành do các kênh mương cắt nhau tạo nên, nên việc xác định vị trí điểm giao nhận hầu như không xác định được.

- Việc củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực quản lý, khai thác của tổ chức thủy lợi cơ sở còn gặp nhiều khó khăn do lực lượng làm công tác quản lý vận hành thường xuyên biến động, công tác đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho người trực tiếp vận hành, bảo vệ công trình chưa đáp ứng yêu cầu.

b. Về phương thức quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

- Việc sắp xếp lại tổ chức đối với Công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi còn lung túng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành định biên về tổ chức khai thác công trình thủy lợi đối với công ty khai thác công trình thủy lợi;

- Việc sắp xếp lại tổ chức thủy lợi cơ sở đặc biệt là tổ hợp tác chưa đáp ứng năng lực theo quy định. Mặt khác tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân nên không thể thực hiện việc thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

¹ Cả nước hiện có 101 đơn vị khai thác công trình thủy lợi, trong đó có: 85 công ty TNHH MTV (chiếm 84,16%), 6 ban (5,94%), 7 trung tâm (6,93%) và 3 chi cục thủy lợi (2,97%) làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn và vừa do Nhà nước đầu tư xây dựng.

- Năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Tổ chức thủy lợi cơ sở còn hạn chế, vì vậy rất khó khăn trong việc lựa chọn phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu đối với công trình do Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý.

- Hiện nay nhiều địa phương đặc biệt là các địa phương thuộc khu vực ĐBSCL do mô hình quản lý khai thác công trình thủy lợi của chưa phù hợp với Điều 23 Luật Thủy lợi nên gặp khó khăn trong việc thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ²;

c. Về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

** Về tên sản phẩm, dịch vụ:*

- Quy định về tên loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác phải có hướng mở, không cố định để đơn vị khai thác công trình thủy lợi chủ động trong việc xây dựng phương án giá khi có phát sinh việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ mới.

** Về giá sản phẩm, dịch vụ:*

- Công tác quản lý, khai thác ở các tỉnh ĐBSCL có rất nhiều đặc điểm riêng biệt với các vùng khác trên cả nước (Đặc điểm công trình, mô hình tổ chức, cách thức thực hiện nhiệm vụ...). Cần có cơ chế về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi riêng cho các tỉnh ĐBSCL;

- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP có nhiều ràng buộc giữa giá tối đa, giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, điều này tạo ra mâu thuẫn giữa khả năng hỗ trợ của Nhà nước với chi phí thực tế của đơn vị khai thác. Nghị định sửa đổi cần giải quyết được vấn đề này;

- Luật giá quy định các loại giá tối đa, khung giá, giá cụ thể. Cần làm rõ khái niệm, quan điểm tính giá tối đa, giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi làm căn cứ quyết định mức giá;

- Các quy định của Nghị định ban hành để áp dụng ngay và Bộ Tài chính không có Thông tư hướng dẫn nên các nội dung cần cụ thể, chi tiết (Văn bản, tài liệu cần thiết trong hồ sơ phương án giá; biểu mẫu tính toán).

** Về trình tự ban hành giá:*

- Trình tự việc ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh phải qua nhiều cấp và mất nhiều thời gian nên nhiều địa phương chậm ban hành giá cụ thể theo quy định hoặc không thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi hàng năm tại địa phương cấp tỉnh dưới hình thức Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp là khó thực hiện, không mang lại hiệu quả nhất là khi chi phí đầu vào không thay đổi hoặc có thay đổi nhưng không đáng kể.

² Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (tháng 6/2024): đến nay, có 27 đơn vị thuộc 18 địa phương triển khai đặt hàng, các địa phương còn lại thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, chưa có đơn vị, địa phương nào thực hiện phương thức đấu thầu⁴ trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi do không khả thi trong thực tiễn.

- Quy trình thủ tục, xây dựng gửi hồ sơ và ban hành mức giá ~~phức tạp~~, phải qua rất nhiều cơ quan, đơn vị thẩm định, tổng hợp. Thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ năm 2021 trở đi không thống nhất giữa các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP (theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện trong quý I năm trước năm kế hoạch, trong khi đó việc giao dự toán ngân sách năm kế hoạch được thực hiện trong quý IV năm trước năm kế hoạch). Việc thực hiện gửi phương án giá sau khi có dự toán ngân sách (thường tháng 12 năm trước năm kế hoạch) phải qua rất nhiều bước, phức tạp, kéo dài, trong khi việc thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bắt đầu ngay từ đầu năm, do đó không kịp thời triển khai việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

** Về xây dựng phương án giá*

- Các công trình đều được xây dựng từ lâu, nhiệm vụ thiết kế công trình hầu như không phục vụ cho các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, do đó gây khó khăn cho việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

- Vấn đề tồn tại lớn hiện nay là lập phương án giá phức tạp- Cần hướng dẫn phương pháp tính đơn giản, phù hợp với các loại hình sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, hướng dẫn cụ thể cách xác định một số loại chi phí (lương, khấu hao, bảo trì, lợi nhuận...) vào văn bản đề thuận lợi khi thực hiện.

- Mỗi loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có đơn vị tính (hoặc biện pháp công trình, biện pháp cấp nước khác nhau; chi phí sản xuất đối với từng loại không thể tách riêng. Vì vậy để tính giá cho các sản phẩm, dịch vụ này buộc phải quy đổi về cùng một loại sản phẩm, dịch vụ tính giá mới phân bổ được chi phí sản xuất. Hiện nay, việc quy đổi sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để lập phương án giá chưa có quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền nên các đơn vị gặp khó khăn trong việc xây dựng phương án giá, thực hiện bằng kinh nghiệm.

- Cách tính giá hiện nay chỉ phù hợp với các tổ chức khai thác công trình thủy lợi là loại hình doanh nghiệp, đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở (HTXDVNN, Tổ thủy nông...) khai thác công trình thủy lợi nhỏ thì không thể thực hiện do không đủ trình độ, năng lực, thiếu hồ sơ công trình, sổ sách kế toán,...; năng lực của tổ chức thủy lợi cơ sở còn hạn chế, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, nên việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở rất khó thực hiện, không khả thi.

- Do việc lập phương án giá, tính toán giá thành sản phẩm là công việc tương đối phức tạp, có nội dung liên quan đến nhiều văn bản, đòi hỏi cán bộ có chuyên môn sâu về giá, hiểu biết về công tác thủy lợi và công tác tài chính, yêu cầu thu thập nhiều số liệu, hóa đơn, chứng từ... nên các huyện, thành phố của nhiều địa phương chưa thực hiện xây dựng được hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Quy định của pháp luật về giá đòi hỏi hồ sơ phương án giá phải đầy đủ, chi tiết chứng từ, tài liệu... để chứng minh cơ sở hình thành giá, do vậy mất nhiều thời gian tổng hợp, giao nộp kèm theo phương án giá vì khối lượng lớn; một số công

trình thủy lợi mới vận hành chưa có chứng từ khó khăn cho việc chứng minh cơ sở hình thành giá;

Về phân công, phân cấp thẩm quyền định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi có sự không thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành (Luật Thủy lợi) và Luật Giá năm 2012, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. Quy trình và thủ tục ban hành giá dịch vụ thủy lợi còn phức tạp, chưa đồng nhất với quy trình xây dựng ban hành giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá chung.

** Về xác định một số khoản chi phí trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi*

- Công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, nhiều loại hình công trình, nhiều biện pháp tưới, nhiều loại hình tổ chức; công tác quản lý khai thác phụ thuộc vào điều kiện địa hình trong khi phương pháp tính giá chưa cụ thể; giá quy định riêng chi tiết cho từng loại hình sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, từng biện pháp tưới, tiêu do đó rất khó khăn khi tính toán xác định căn cứ, tỷ lệ phân bổ;

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định các khoản mục chi phí; Chưa có hướng dẫn cụ thể về chi phí vận hành, chi phí bảo trì, chi phí quản lý đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở;

- Về việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của cấp huyện: Hiện nay một số tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do UBND cấp huyện quản lý chưa xác định được giá trị tài sản (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành giá quy ước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ) nên địa phương chưa có cơ sở xác định chi phí khấu hao và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành định mức để xác định các khoản chi phí bảo dưỡng thường xuyên và chi phí sửa chữa thường xuyên. Vì vậy, UBND cấp huyện không có cơ sở để xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 2.

- Đối với chi phí khấu hao:

+ Chưa thống nhất về đối tượng được trích khấu hao TSCĐ giữa Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 73/2018/TT-BTC;

+ Khấu hao tài sản cố định trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: việc kênh mương nhà trạm không được trích khấu hao trong khi đó kinh phí đầu tư cho các mục này rất lớn; hầu hết các công trình này được xây dựng đã lâu, xuống cấp, cần kinh phí để cải tạo, nâng cấp nên các địa phương, đơn vị khai thác công trình thủy lợi gặp rất nhiều khó khăn.

+ Theo quy định chỉ được trích lập đối với phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng. Như vậy các tài sản là phương tiện vận tải, nhà cửa không được trích khấu hao đồng nghĩa khi tài sản này hư hỏng sẽ không có nguồn sửa chữa.

- Việc xác định chi phí năm kế hoạch được xác định trên cơ sở căn cứ chi

phí của năm trước (nếu chưa có định mức kinh tế kỹ thuật) trong khi đó, ngành thủy lợi đang được ngân sách cấp, hỗ trợ, chủ yếu đảm bảo kinh phí vận hành, chưa đủ các nhu cầu tối thiểu không phản ánh được nguyên tắc tính đúng, tính đủ của phương án giá;

- Quy định về chi phí bảo trì tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP chưa cụ thể và chưa phù hợp với điều kiện thực tế:

+ Theo quy định về chi phí bảo trì tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, việc đầu tư làm mới cống, việc nạo vét kênh mương làm thay đổi quy mô công trình không được sử dụng nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

+ Quy định chưa rõ ràng về chi phí bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa định kỳ công trình;

- Nhiều khoản chi phí thực tế hợp lý khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi như chi trang phục, cùm sản xuất cho người lao động, chi quỹ phòng chống thiên tai phụ cấp kiêm soát viên, chi phí lập bản đồ ngập lụt vùng hạ du, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, lập hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên nước mặt tại các hồ chứa, chi phí lập thẩm tra quy trình bảo trì... không có trong quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP;

- Cách tính lợi nhuận dự kiến chưa cụ thể;

** Về việc phân bổ chi phí:*

- Chưa có hướng dẫn cụ thể cho việc phân bổ các khoản mục chi phí chung phục vụ cho hoạt động công ích thủy lợi và các hoạt động thủy lợi khác theo tiêu thức cụ thể vì theo thực tế nhiều địa phương chi phí cho hoạt động công ích khá lớn do thời gian hoạt động kéo dài nhưng doanh thu thấp; trong khi sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác có doanh thu cao nhưng thời gian phục vụ ngắn hơn, việc phân bổ chi phí rất khó thực hiện; hoặc sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác mới chưa cung cấp từ các năm trước thì không có doanh thu để tính chi phí theo tiêu thức phân bổ doanh thu khi tính phương án giá.

- Nhiều đơn vị hoạt động cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi là chủ yếu, do vậy việc bố trí nhân lực trực tiếp, nhân lực quản lý và các chi phí khác cho hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi khác là rất ít chỉ mang tính kết hợp nên các khoản chi phí liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác không thể hạch toán riêng, không xác định được chi phí cho từng loại sản phẩm, dịch vụ.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể chi tiết việc trích tỷ lệ phần trăm chi phí theo từng nội dung chi đã quy định, dẫn đến việc chi phí hoạt động của các đơn vị quản lý thủy nông địa phương chưa được rõ ràng, minh bạch và hiệu quả, một số khoản chi trong hoạt động không cân đối được chi phí trong hoạt động của các đơn vị quản lý thủy nông địa phương;

d. Về đáp ứng điều kiện về năng lực, điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Thực tế hiện nay một số địa phương đang giao cho Trung tâm, Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi, chưa chuyển đổi mô hình này và thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 67/2018/NĐ-CP nêu trên để được coi là chủ thể khai thác công trình thủy lợi như Luật Thủy lợi đã quy định.

Các tổ chức khai thác công trình thủy lợi phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP mới thuộc đối tượng được đặt hàng thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trên cơ sở đó, các tổ chức khai thác công trình thủy lợi mới đủ điều kiện xây dựng phương án giá đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

Tuy nhiên qua kiểm tra, khảo sát thì vẫn còn tổ chức thủy lợi cơ sở chưa đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, tiêu chuẩn để thực hiện đặt hàng. Các tổ chức thủy lợi cơ sở này cũng không đủ điều kiện năng lực để thực hiện đấu thầu theo quy định Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định 67/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thủy lợi. Tại một số địa phương, UBND cấp huyện giao cho các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý một số hệ thống kênh, hồ đập nhất định. Do đó, mỗi hệ thống kênh, hồ đập kênh chỉ có 01 đơn vị thủy lợi cơ sở quản lý nên không áp dụng được theo phương thức đấu thầu.

Các tổ chức khai thác công trình thủy lợi chưa đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, tiêu chuẩn để thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu thì khi thực hiện, các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi.

đ. Về hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

- Mức tiền hỗ trợ theo giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hiện nay bằng mức hỗ trợ thủy lợi phí từ năm 2012 đến nay, theo đó các khoản chi phí cho công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi như chi phí tiền lương, nguyên vật liệu sửa chữa công trình... tăng theo thời gian; với mức hỗ trợ đang áp dụng không đảm bảo đủ chi cho công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Để bù vào khoản kinh phí bị thiếu, các tổ chức khai thác công trình thủy lợi phải cân đối kinh phí từ các công trình tưới tự chảy khác và thu thêm theo diện tích sản xuất của bà con nông dân;

- Đối với một số địa phương khu vực ĐBSCL, hiện trạng công trình thủy lợi hầu hết được đầu tư xây dựng từ lâu, đến nay đã xuống cấp, kinh phí được trích từ nguồn thu cấp hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chỉ đủ duy tu sửa chữa những hư hỏng nhỏ, còn việc sửa chữa nâng cấp nhằm nâng cao năng lực an toàn cho công trình thì cần kinh phí rất lớn.

- Đối tượng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều 11 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP chưa rõ ràng: chưa nêu rõ diện tích đất công do UBND xã quản lý nhưng cho hộ gia đình, cá nhân thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì có được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không;

- Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính trên mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với biện pháp tưới tiêu chủ

động, chủ động một phần hay tưới tiêu tạo nguồn. Tuy nhiên, hiện nay không có văn bản nào quy định về những khái niệm này.

- Trong thời kỳ ổn định ngân sách, tổng dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được Trung ương cân đối trong ngân sách địa phương năm đầu thời kỳ ổn định và đã được HĐND tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách chi thường xuyên của ngân sách địa phương, do vậy việc hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi trình HĐND tỉnh như quy định tại Mục e Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP là không thực sự cần thiết;

- Phương thức hỗ trợ, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại điều 15, 16, 17 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP chưa phù hợp. Ngoài ra quy định về hồ sơ xây dựng kế hoạch, thanh quyết toán kinh phí gây khó khăn cho tổ chức cá nhân khai thác công trình thủy lợi, khó thực hiện được do số lượng hộ gia đình quá nhiều, tổ chức cá nhân khai thác công trình thủy lợi không phải đơn vị trực tiếp quản lý hộ gia đình nên việc rà soát, lập danh sách không tự chủ được, phải nhờ đơn vị sử dụng nước và chính quyền địa phương nên phát sinh thêm chi phí, mất nhiều thời gian, gây ảnh hưởng đến sản xuất của doanh nghiệp.

- Đối với diện tích sản xuất nông nghiệp đã phục vụ tưới tiêu nhưng do ảnh hưởng nghiêm trọng của thời tiết không ký được biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng

+ Theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP thì Mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi “*được thực hiện theo giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và trong điều kiện thời tiết bình thường*” (khoản 4 Điều 12).

+ Về quy định quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP thì các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có “*Hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi*” (khoản 2 Điều 17).

Theo quy định trên thì trong điều kiện thời tiết bình thường, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện ký kết Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sau khi hoàn thành xong vụ tưới, tiêu làm căn cứ thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ tài chính. Tuy nhiên, thực tế hiện nay tại nhiều địa phương xảy ra tình trạng các đơn vị khai thác công trình thủy lợi đã thực hiện tưới tiêu cho một diện tích sản xuất nông nghiệp nhưng do ảnh hưởng nghiêm trọng của thời tiết mặc dù đã có nhiều giải pháp vẫn không đảm bảo nước tưới tiêu dẫn đến không thể ký kết Biên bản nghiệm thu Hợp đồng diện tích đã phục vụ, vì vậy không được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trong khi các tổ chức khai thác công trình thủy lợi đã phát sinh chi phí nhân công, tiền dầu điện chạy máy bơm phục vụ tưới, tiêu thoát nước nhưng không được ghi nhận gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Do đó, cần bổ sung quy định các nội dung về diện tích được hỗ trợ, mức hỗ trợ và cơ quan xác nhận diện tích hỗ trợ.

- Nội dung lập dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải căn cứ vào bản đồ giải thửa để xác định diện tích được hỗ trợ, vướng mắc chủ yếu là lập hồ sơ hỗ trợ:

Thực tế bản đồ giải thửa tại một số địa phương được lập cách đây đã lâu, đến nay nhiều hồ sơ đã bị mục nát, mất dữ liệu, thiếu; số diện tích, số hộ gia đình thực tế thay đổi nhiều so với hồ sơ (đ) chết, chuyển đi nơi khác, người mới đến, tách hộ, nhập hộ); do vậy việc chỉ đối chiếu bản đồ giải thửa để lập bảng kê là rất khó khăn và không khớp đúng. Do đó, đối với các địa phương không có bản đồ giải thửa thì phải căn cứ diện tích đất, mặt nước của địa phương đang thực hiện sản xuất để lập hồ sơ cho phù hợp với tình hình hiện tại. Một số tỉnh hiện nay chưa thành lập doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định của Luật Thủy lợi nên phải giao cho cơ quan của huyện, xã để lập hồ sơ bảo đảm sự chính xác về đối tượng diện tích được hỗ trợ. Cần có thời gian chuyển tiếp để UBND các địa phương thành lập doanh nghiệp, Hợp tác xã theo đúng quy định tại Luật Thủy lợi. Vì vậy cần sửa đổi nội dung này tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP.

e. Quy định về hỗ trợ kinh phí phòng chống hạn hán, thiếu nước xâm nhập mặn:

- Kinh phí phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn chưa được trung ương cấp hỗ trợ ngay từ đầu vụ, có năm không hỗ trợ nên các địa phương còn bị động trong công tác phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do chưa cân đối được nguồn kinh phí;

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình, thời gian hỗ trợ kinh phí phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn

- Theo quy định tại Luật Thủy lợi 2017: ***“Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy lợi***

6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong trường hợp phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng

Điều 37. Nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi bao gồm:

a) Thu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

b) Các khoản cấp, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

c) Các khoản hợp pháp khác”.

- Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP: ***“1. Tổ chức khai thác công trình thủy lợi làm nhiệm vụ cấp, tưới tiêu nước ngoài phần kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được nhà nước chi trả còn được hưởng các khoản hỗ trợ kinh phí bảo trì (trừ trường hợp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương thức đấu thầu và đã tính trong giá dự thầu) và các khoản hỗ trợ tài chính khác theo quy định của pháp luật căn cứ vào khả năng ngân sách từng cấp.***

Việc cấp phát và thanh quyết toán các khoản hỗ trợ thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ tài chính cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi trung ương.

3. Ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ tài chính cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi địa phương. Trong trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, căn cứ vào khả năng của ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ ngân sách địa phương theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước”.

Theo quy định trên, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi được nhận các khoản hỗ trợ tài chính ngoài tiền hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi còn được hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục hồ sơ, các nội dung hỗ trợ; cũng chưa quy định nhiệm vụ của Ngân sách địa phương và Ngân sách trung ương hỗ trợ Ngân sách địa phương, hỗ trợ các đơn vị khai thác công trình thủy lợi khi bị hạn hán, lũ lụt, thiếu nước, xâm nhập mặn.

4. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung khắc phục bất cập của các địa phương

4.1. Về biện pháp tưới:

Các quy định: Nghị định số 112-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư liên bộ số 47/TT-LB ngày 2/11/1984 của Liên Bộ Thủy lợi 0 Tài chính về tưới chủ động, chủ động một phần và tạo nguồn đã hết hiệu lực. Hiện nay chưa có văn bản thay thế, đề nghị Bộ ngành Trung ương có hướng dẫn cụ thể đối với các biện pháp tưới này.

- Đề nghị bỏ quy định về tưới tiêu chủ động một phần, chỉ nên quy định hai hình thức là chủ động và tạo nguồn. Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi phải có trách nhiệm phục vụ theo đúng chất lượng tưới tiêu được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

4.2. Về tên sản phẩm:

- Quy định về tên loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác phải có hướng mở, không cố định để đơn vị khai thác công trình thủy lợi chủ động trong việc xây dựng phương án giá khi có phát sinh việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ mới.

- Bổ sung sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, điều chỉnh tên sản phẩm:

+ Thoát nước, xả nước thải vào công trình thủy lợi: đồng/m³;

+ Tiêu thoát nước cho khu công nghiệp bao gồm cả các nhà máy công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao: đồng/nội dung công việc hoặc đồng/ha lưu vực tiêu.

+ Cấp nước thô cho chăn nuôi công nghiệp: đồng/m³, nên đổi cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp thành cấp nước tho cho sản xuất nước sạch, sản xuất công nghiệp và chăn nuôi công nghiệp vì đây là cấp nước thô cho đơn vị khác sản xuất nước sạch và công nghiệp chứ đơn vị không sản xuất nước sạch và công nghiệp;

+ Điều chỉnh Kết hợp phát điện thành cấp nước phát điện vì chưa phù hợp với việc ghi nhận doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ này do đơn vị khai thác, quản lý công trình thủy lợi chỉ cấp nước cho tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện và không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư 152/2015/TT-BTC về thuế tài nguyên do đơn vị khai thác, quản lý công trình thủy lợi là đơn vị nộp thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện;

+ Điều chỉnh Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước thành cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước cho phù hợp với thực tế

+ Điều chỉnh kết hợp giao thông thành vận tải qua công trình thủy lợi;

4.4. Về đơn vị tính sản phẩm:

- Đơn vị tính cho nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa đề nghị điều chỉnh đơn vị tính là % giá trị sản lượng do hiện nay các đơn vị có nhu cầu nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đều được chủ sở hữu công trình cấp phép nuôi cá lồng (ghi rõ vị trí đặt lồng, số lượng và tổng diện tích lồng) nên áp dụng đơn vị tính đồng/ha/mặt thoáng/năm không phù hợp;

- Đơn vị tính cho kết hợp giao thông đề nghị điều chỉnh thành đồng/tấn/lần.

4.5. Về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

a. Về quy trình thủ tục xây dựng phương án giá

- Hướng dẫn cụ thể chi tiết đơn giản hóa việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi độc lập, quy mô nhỏ hoặc nghiên cứu theo hướng vận dụng theo định mức, giá do các doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV thủy nông) đã xây dựng.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về kỹ thuật lập phương án giá phù hợp với đặc thù ngành thủy lợi; cải tiến quy trình thẩm định, ban hành, quy định giá tối đa, khung giá, giá cụ thể cho đơn giản, dễ thực hiện;

- Hướng dẫn cụ thể việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu cần) một số nội dung (tính giá, quy trình đặt hàng...) trong Nghị định số 32/2019/NĐ-CP để phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi và điều kiện thực tiễn.

- Từ thực tế của việc ban hành giá cụ thể phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh phức tạp và mất rất nhiều thời gian, đề nghị việc ban hành giá cụ thể tại địa phương không nhất thiết phải thực hiện hàng năm, có thể theo giai đoạn dài hơn, khi có sự biến động về chi phí đầu vào hoặc định kỳ ít nhất 05 năm;

- Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định giá tối đa/khung giá theo vùng hoặc theo một tỉnh, nhưng nhiều đơn vị trong tỉnh được phép áp dụng, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi xây dựng phương án giá trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp tỉnh quyết định giá cụ thể sau khi có ý kiến của Bộ

Tài chính, Hội đồng nhân dân cùng cấp; như vậy phù hợp với quy trình đã quy định tại Điều 35 Luật Thủy lợi, cũng không trái với quy định của pháp luật về giá và điều kiện thực tiễn;

- Về mức giá cụ thể của tổ chức thủy lợi cơ sở: UBND cấp tỉnh quyết định không vượt quá mức giá cụ thể của tổ chức khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh hoặc của tỉnh có đặc điểm tương tự hoặc chủ quản lý công trình thủy lợi/tổ chức thủy lợi cơ sở tự xây dựng phương án giá;

b. Về phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- Đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ giữ nguyên giá “tưới tiêu” là một loại giá, không tách riêng giá tưới và giá tiêu.

- Đề nghị chỉ xây dựng giá tối đa cho loại cây trồng chính là lúa, còn lại các loại cây trồng khác tính theo tỷ lệ phần trăm so với giá tối đa của lúa;

- Đề nghị bổ sung phương pháp quy đổi sản phẩm tính giá hoặc Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung này;

- Đề nghị quy định mức giá chung của cả tổ chức thủy lợi cơ sở đối với từng vùng, miền để tổ chức thực hiện;

- Đối với mức giá tiêu nước khu công nghiệp tối đa không quá 50% mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa, đề nghị sửa đổi mức giá tối đa được xác định thông qua kết quả tính toán thực tế xây dựng theo các khoản mục chi phí hợp lý, hợp lệ, không khống chế theo tỷ lệ của tưới đối với đất trồng lúa;

- Hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định các khoản mục chi phí, phương pháp phân bổ chi phí cho phù hợp từng sản phẩm, dịch vụ, từng công việc, đặc biệt là cách tính chi phí tiền lương, tiền công đối với cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ hoặc ban hành giá tối thiểu để Tổ chức thủy lợi cơ sở áp dụng.

- Đối với việc xác định một số khoản chi phí:

+ Đối với chi phí tiền lương: tránh trường hợp mỗi đơn vị hiệu và thực hiện chính sách tiền lương khác nhau, ảnh hưởng tới quyền lợi của người lao động. Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chi tiết cách tính lương đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác;

+ Đối với chi phí bảo trì: Hầu hết công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng từ rất nhiều năm, cần nguồn kinh phí lớn để đảm bảo công trình tiếp tục hoạt động bình thường, đặc biệt là đảm bảo an toàn công trình. Do vậy, đề nghị tính chi phí bảo trì theo định mức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT; trường hợp giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi không đảm bảo đủ chi phí bảo trì theo quy định, khi Bộ Tài chính quy định giá tối đa, khung giá cần nêu rõ mức giá này chưa tính đủ chi phí bảo trì để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương có cơ sở xem xét, bố trí kinh phí bảo trì

đảm bảo an toàn công trình; Đề nghị bổ sung chi phí bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa định kỳ;

+ Đối với chi phí khấu hao: Chính sách thủy lợi phí thực hiện đến hết năm 2016, quy định thống nhất một số loại công trình, máy móc, thiết bị không được trích khấu hao. Khoản kinh phí sau khi trích lại đã giúp các đơn vị khai thác rất nhiều trong việc tái đầu tư, chủ động sửa chữa công trình, nhất là các công trình khẩn cấp, sửa chữa lớn. Như vậy, ngay từ khi còn là thủy lợi phí, nhà nước đã thực hiện chế độ khấu hao phù hợp với điều kiện ngân sách, đặc thù công trình thủy lợi. Hướng dẫn chế độ tài chính của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi có quy định về vấn đề này, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thống nhất. Hiện nay chính sách giá hướng tới việc tính đúng, tính đủ chi phí, tiếp cận với giá thị trường nhưng lại không đảm bảo chi phí khấu hao là không phù hợp. Do vậy, đề nghị chi phí khấu hao trong giá công ích tính theo các quy định trước đây của Bộ Tài chính, khấu hao trong giá thủy lợi khác tính đối với toàn bộ công trình.

- Đối với hồ sơ phương án giá: đề nghị hồ sơ phương án giá cho phép bám sát vào dự toán đầu năm của đơn vị xây dựng và kiểm soát bằng quyết toán cuối năm; xem xét, thêm các quy định theo hướng mở hơn về hồ sơ, thủ tục đối với các khoản mục chi phí cấu thành giá như dựa trên số liệu, nhu cầu thực tế thực hiện được UBND cấp tỉnh xác nhận, không đặt nặng vào hồ sơ thanh, quyết toán, các chứng từ chứng minh giúp tháo gỡ khó khăn cho các tỉnh hiện nay chưa thể kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý khai thác công trình thủy lợi; đồng thời đề giảm tải số lượng hồ sơ kèm theo, đề nghị sử dụng số liệu quyết toán năm trước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thay vì công chứng hóa đơn như hiện nay.

4.6. Xây dựng định mức Kinh tế kỹ thuật:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ các tỉnh ĐBSCL xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi, qua đó tạo thuận lợi, thống nhất, nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng dự toán, đặt hàng và nghiệm thu.

4.7. Việc hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và kinh phí phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn:

- Về đối tượng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: bổ sung đối tượng là các trung tâm giống, đối tượng là hộ gia đình, cá nhân thuê đất của hộ gia đình, cá nhân khác hoặc đất 5% của UBND cấp xã quản lý để sản xuất nông nghiệp; không đưa từ “đầm” vào đối tượng không được hỗ trợ.

- Đề nghị bổ quy định về bảng danh sách hộ gia đình, diện tích đất của từng hộ gia đình kèm theo do đã quy định UBND cấp huyện kiểm tra, rà soát và xác nhận diện tích được hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

- Việc cấp phát kinh phí cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi được thực hiện hai đợt/năm: đợt 1 cấp phát với Quý IV của năm trước năm kế hoạch, tỷ lệ 60% tổng kinh phí dự toán; đợt 2 vào Quý II năm kế hoạch, cấp phát 40% kinh phí còn lại để đơn vị chủ động được nguồn kinh phí thực hiện theo kế hoạch hằng

năm được duyệt.

- Đề nghị bổ sung hướng dẫn hỗ trợ kinh phí phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

- Tách riêng quy định xây dựng phương án giá độc lập với quy định về hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Căn cứ vào từng thời kỳ, ngân sách trung ương/địa phương thông báo và cấp kinh phí hỗ trợ theo khả năng;

- Tách riêng quy định về xây dựng dự toán, cấp phát, nghiệm thu đối với các đơn vị khai thác của trung ương và địa phương;

- Quy định cụ thể đối tượng (UBND cấp huyện, xã...) ký kết hợp đồng hoặc xác nhận đối với cá loại hình sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mới theo quy định của Luật Thủy lợi;

- Bổ sung quy định các đối tượng không được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các đối tượng phải nộp tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

4.8. Về tổ chức sắp xếp lại cơ cấu tổ chức khai thác công trình thủy lợi

- Hướng dẫn cụ thể về thành phần, đối tượng trong cơ cấu tổ chức của Tổ hợp tác; về chi phí cho công tác quản lý, vận hành của Tổ chức thủy lợi cơ sở (đối với người quản lý, vận hành không có bằng cấp);

- Cho phép các tỉnh miền núi có số lượng công trình nhiều, quy mô nhỏ; số lượng công trình lớn ít, diện tích tưới chiếm tỷ trọng ít so với tổng diện tích tưới toàn tỉnh được phép thành lập doanh nghiệp để quản lý toàn bộ công trình (kể cả công trình nhỏ) để đảm bảo năng lực quản lý và hiệu quả khai thác công trình quản lý sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được Nhà nước giao.

B. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Trên cơ sở tổng hợp các đánh giá và kiến nghị của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP và khắc phục các vướng mắc, khó khăn còn tồn tại, căn cứ quy định Luật Giá năm 2023 và quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành Bộ Tài chính đề xuất ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP với một số nội dung được thay đổi như sau:

I. Đối với nội dung về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- Sửa đổi, bổ sung về đơn vị tính của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo hướng mở trên cơ sở danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi quy định tại Luật Thủy lợi tạo linh hoạt cho các đơn vị ;

- Chỉ quy định những nội dung Luật Thủy lợi giao Chính phủ hướng dẫn. Không bổ sung quy định về đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định;

- Không bổ sung hệ số quy đổi diện tích, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại dự thảo Nghị định do mang tính kỹ thuật chuyên ngành và thuộc về định mức kinh tế kỹ thuật. Việc quy định một hệ số quy đổi chung sẽ không phù

hợp với tất cả các tổ chức khai thác công trình thủy lợi do mỗi tổ chức khai thác, mỗi địa phương có điều kiện địa hình nêim) núi, trung du, đồng bằng, ven biển...), loại hình công trình (ôh) đập, trạm bơm...), biện pháp tưới, tiêu khác nhau trong khi chưa có đủ các căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học để thuyết minh cho việc đề xuất các hệ số quy đổi này.

- Đối với những sản phẩm, dịch vụ khác không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác tại Luật Thủy lợi: thực hiện theo thị trường, theo thỏa thuận của các bên, không cần thiết phải do Nhà nước định giá. Ngoài ra hoạt động kinh doanh các sản phẩm này thực hiện theo quy định tại các luật chuyên ngành. Do đó, quy định chủ quản lý công trình thủy lợi hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi áp dụng phương pháp định giá quy định tại Nghị định để thực hiện thu của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác và tăng nguồn thu cho đơn vị.

- Quy định về phương pháp định giá, cách xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, các khoản mục chi phí trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dẫn chiếu theo quy định về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và để phù hợp với quy định tại Luật Giá 2023, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thống nhất cách thức xác định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, đảm bảo việc ban hành Nghị định không có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ. Đồng thời, quy định bổ sung một số chi phí cần thiết để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo đặc thù của ngành thủy lợi.

- Phân cấp việc quy định giá tối đa, khung giá, giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước ~~phù hợp~~ đảm bảo tuân thủ với quy định tại Luật Giá 2023:

+ Bộ Tài chính định giá tối đa, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của địa phương;

+ Bộ Tài chính định khung giá, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Sửa đổi quy định về chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo trì trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với nguyên tắc, căn cứ định giá của Nhà nước quy định tại Luật Giá 2023 và để các đơn vị có nguồn kinh phí phục vụ công tác duy tu sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tránh hư hỏng, xuống cấp.

- Quy định về trình tự, thủ tục định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dẫn chiếu theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá do sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc danh

mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Luật Giá nên cần tuân thủ trình tự, thủ tục tại Nghị định chung.

II. Đối với nội dung về hỗ trợ trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

1. Theo điểm 5 Chỉ thị số 04/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: “*Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí để thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến hỗ trợ kinh phí phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn (trong đó có Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)*”.

Do đó, cần bổ sung quy định đối với các nội dung quy định liên quan đến hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí thường xuyên của Ngân sách Nhà nước để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để tháo gỡ khó khăn cho các địa phương:

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định hỗ trợ đối với diện tích thuộc đối tượng hỗ trợ đã đưa vào sản xuất nhưng do ảnh hưởng bất lợi của thời tiết nên không đảm bảo nước tưới, tiêu dù các tổ chức khai thác công trình thủy lợi đã tìm mọi biện pháp ứng cứu. Căn cứ tỷ lệ diện tích đã được tưới, tiêu nước và khả năng chi trả của ngân sách địa phương để quyết định mức hỗ trợ trên nguyên tắc không vượt mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 đối với diện tích nêu trên.

- Hoàn thiện, bổ sung các quy định về trình tự lập, phân bổ, giao dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ. Dự thảo Nghị định đã quy định việc thanh toán kinh phí hỗ trợ phải thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước theo hình thức rút dự toán đối với tất cả các phương thức cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu). Trong đó, đối với phương thức giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp tại các Nghị định liên quan (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước) chưa có quy định. Vì vậy, Dự thảo Nghị định bổ sung quy định cụ thể nội dung thành phần hồ sơ thanh toán kinh phí đối với phương thức giao nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Về cơ chế bố trí kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Đối với các địa phương khó khăn, Ngân sách trung ương bổ sung cân đối cho ngân sách địa phương phần kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công

ích thủy lợi còn thiếu so với số kinh phí ngân sách địa phương bố trí. Phương án này phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước³.

- Về xử lý kinh phí thừa, thiếu: Để xử lý trường hợp thực tế một số địa phương không có nguồn kinh phí để bù đắp phần kinh phí còn thiếu, dự thảo Nghị định quy định trường hợp số kinh phí quyết toán thấp hơn số kinh phí được giao thì phần kinh phí còn dư không được chuyển sang năm sau; Trường hợp số kinh phí quyết toán cao hơn số được giao dự toán (bao gồm cả phần ngân sách trung ương bổ sung cân đối và phần ngân sách địa phương tự đảm bảo) thì phần còn thiếu được bố trí vào dự toán ngân sách nhà nước năm sau theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định.

III. Đối với phương thức quản lý, sắp xếp tổ chức khai thác công trình thủy lợi

Nội dung về phương thức quản lý, sắp xếp tổ chức khai thác công trình thủy lợi không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

IV. Điều khoản chuyển tiếp:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện trong thời gian chờ chuyển đổi sang loại hình tổ chức khai thác công trình thủy lợi phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi, dự thảo Nghị định bổ sung điều khoản chuyển tiếp./.

BỘ TÀI CHÍNH

³ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: “**Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách**

...2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này”.